

Số: 49 BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

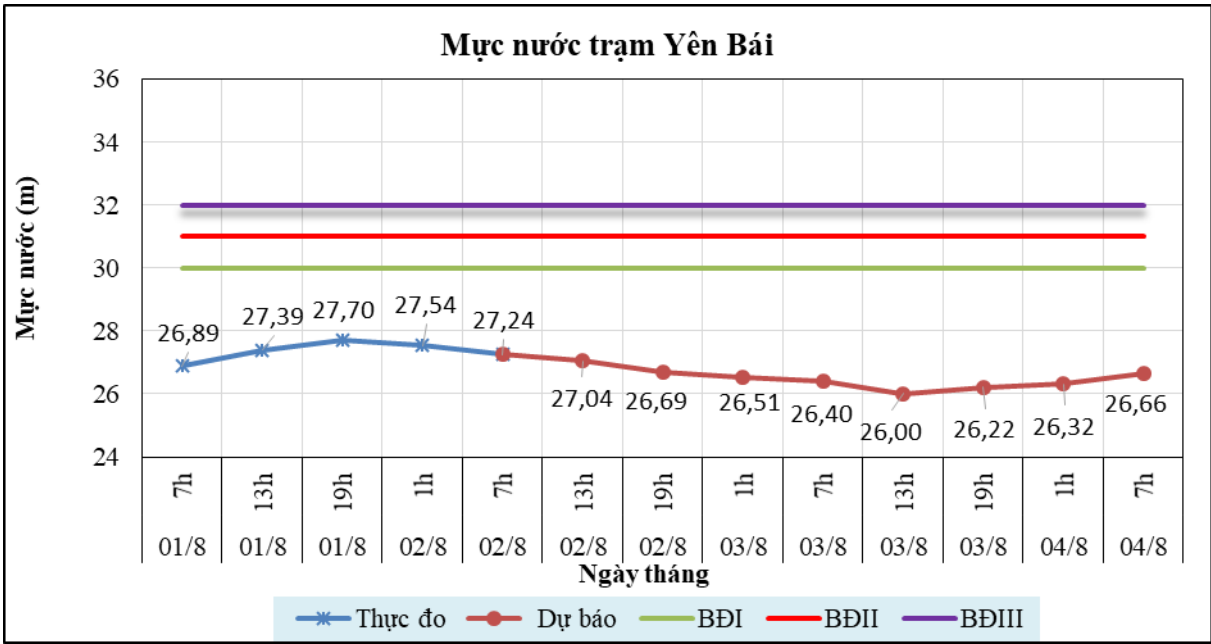
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

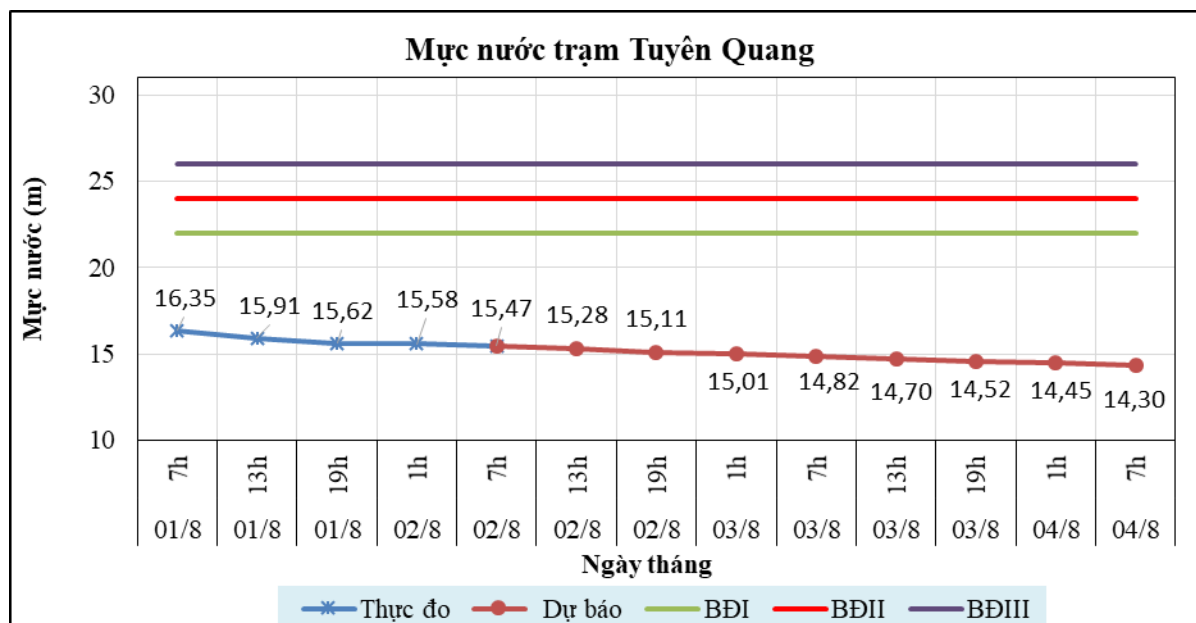
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

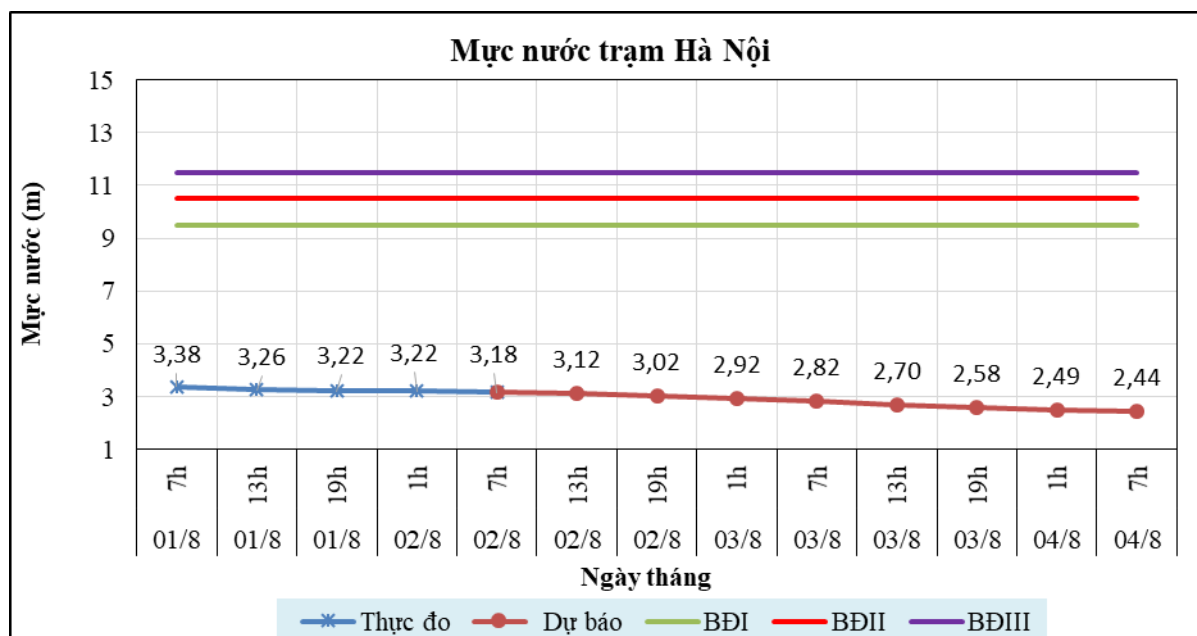
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế giảm.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

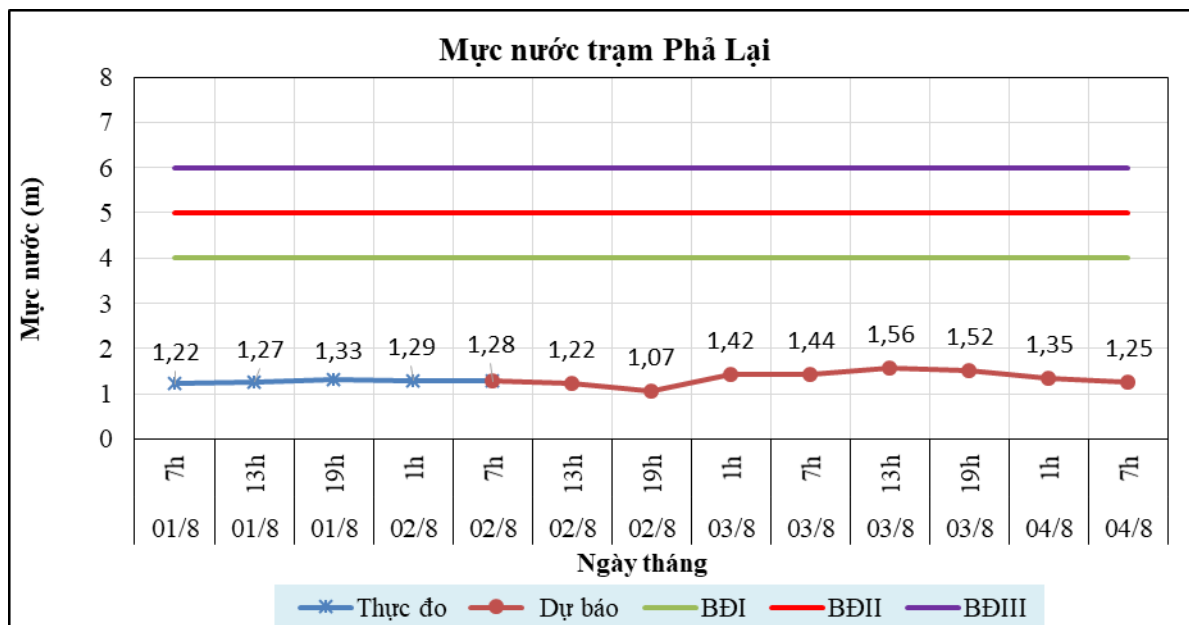
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mực nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỰC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

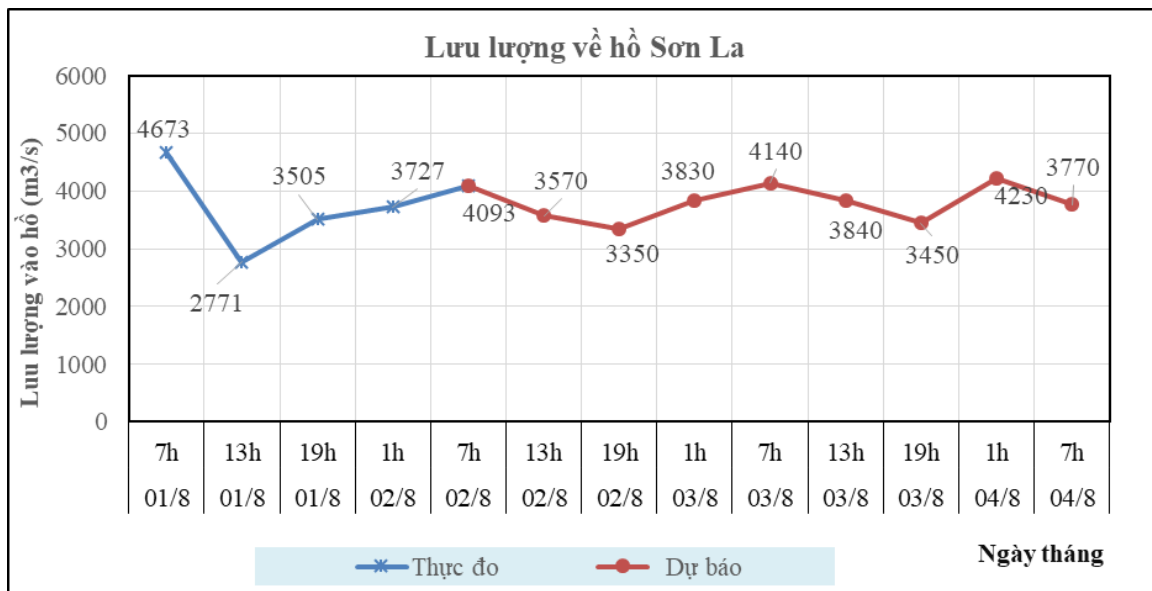
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

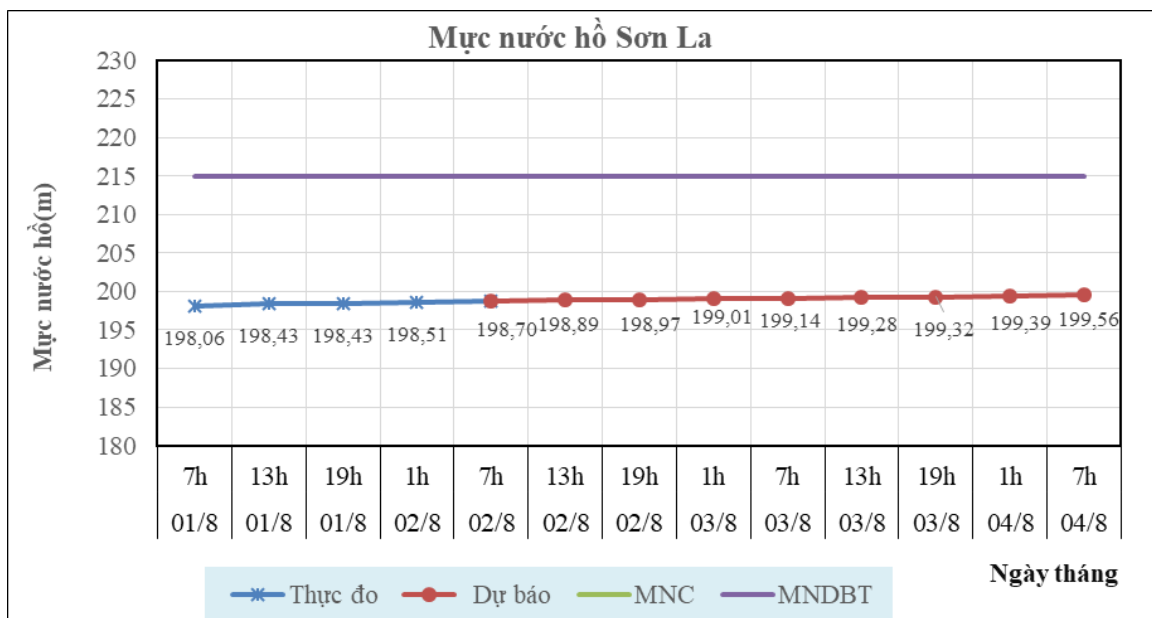
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 02/08/2025 đạt $4093\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 198,7m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $4140\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 199,14m, 48h tới lưu lượng đạt $3770\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 199,56m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

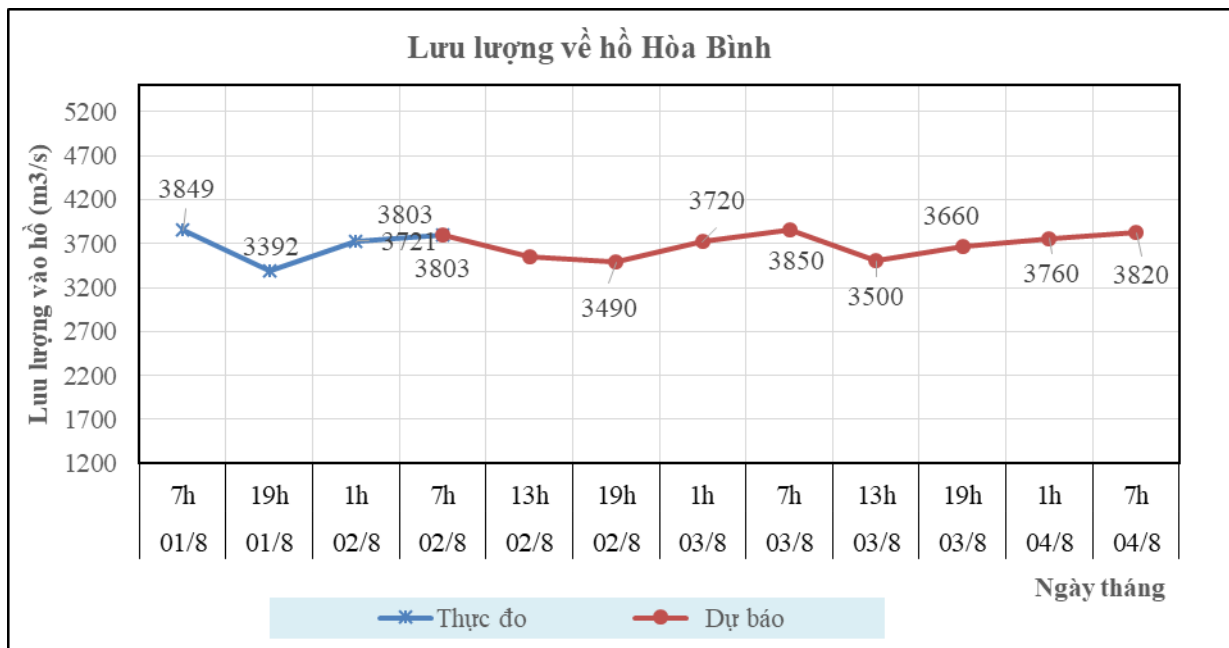
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

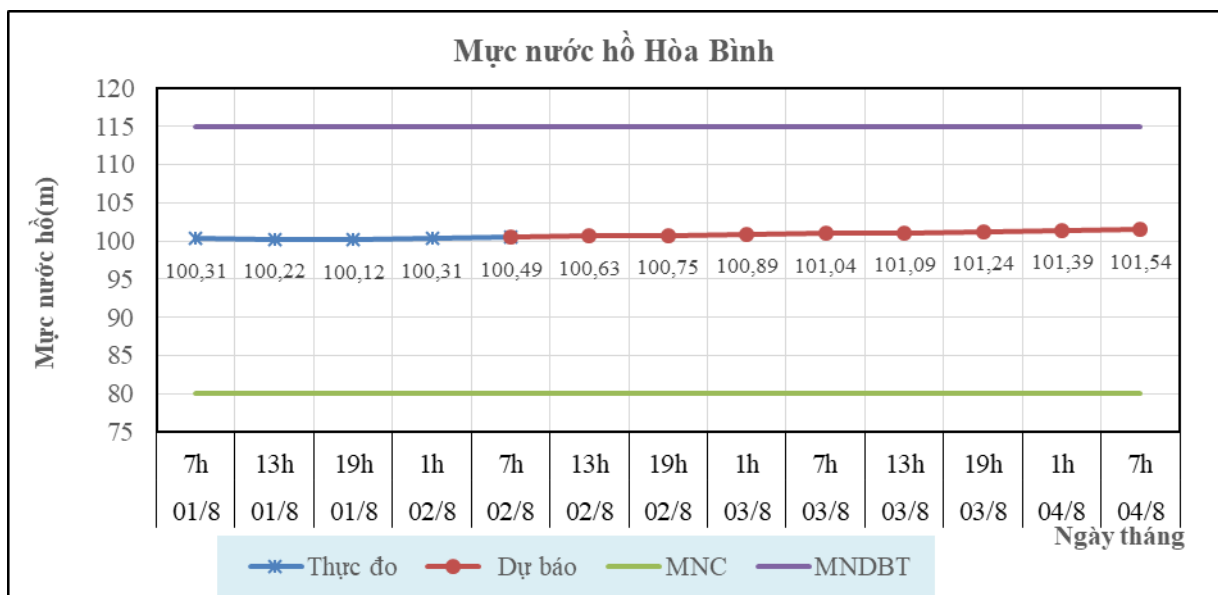
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 02/08/2025 đạt $3803\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 100,49m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $3850\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 101,04m, 48h tới lưu lượng đạt $3820\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 101,54m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

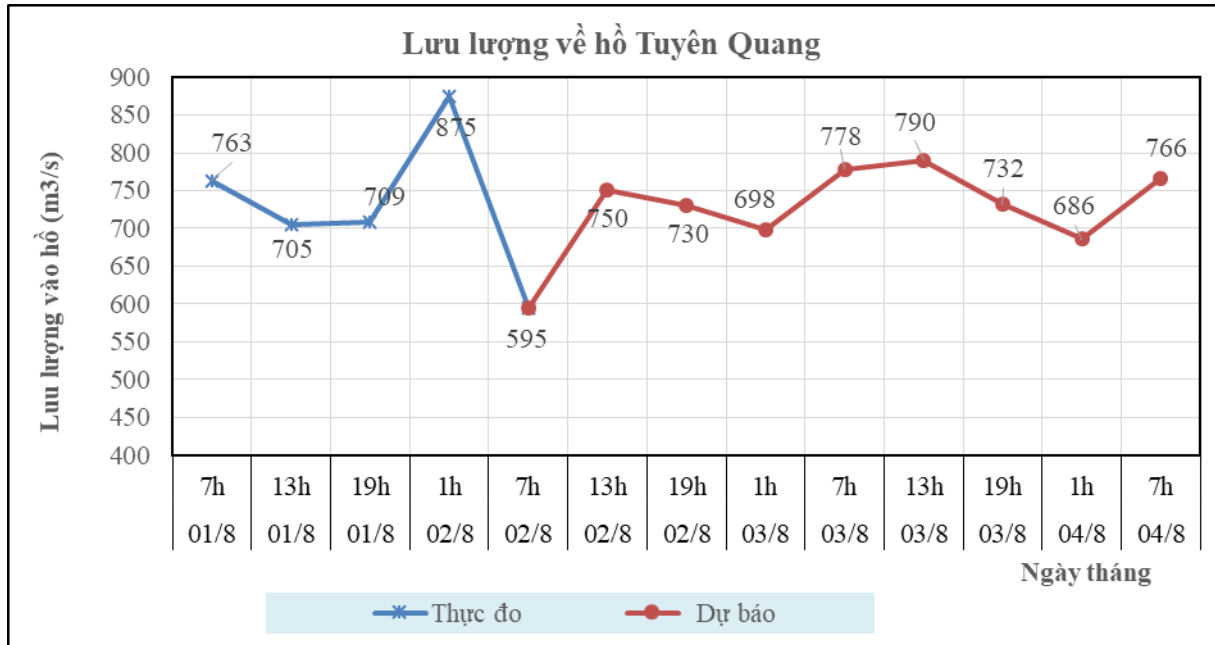
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

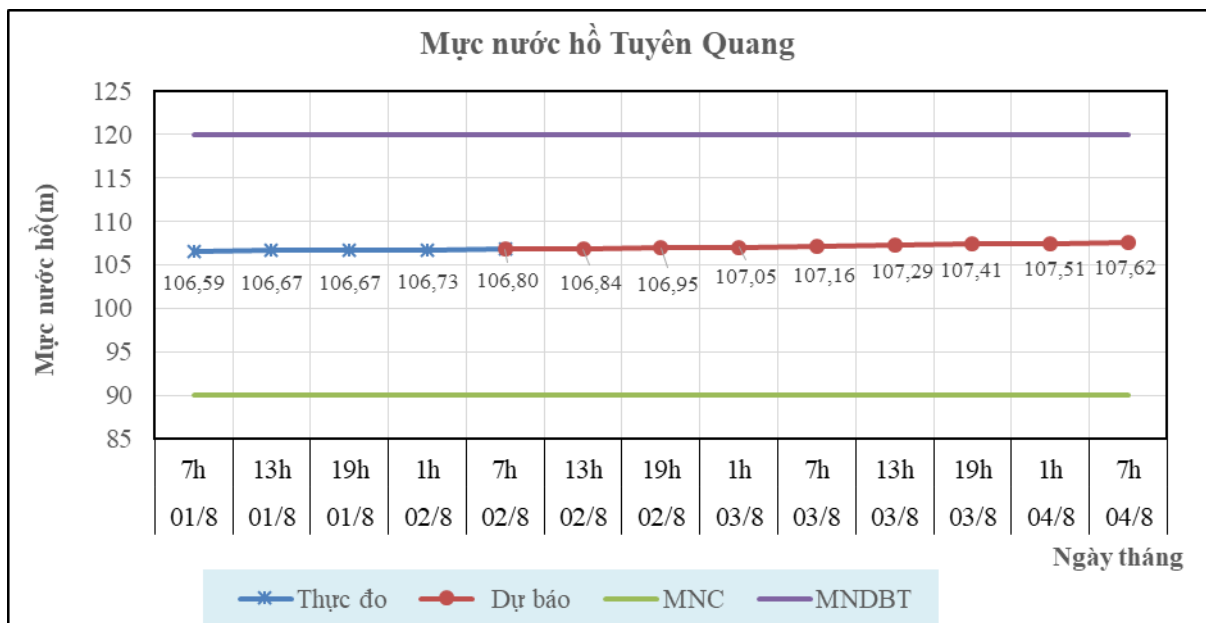
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 02/08/2025 đạt 595m³/s, mực nước hồ đạt 106,8m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 778m³/s, mực nước hồ 107,16m, 48h tới lưu lượng đạt 766m³/s, mực nước đạt 107,62m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

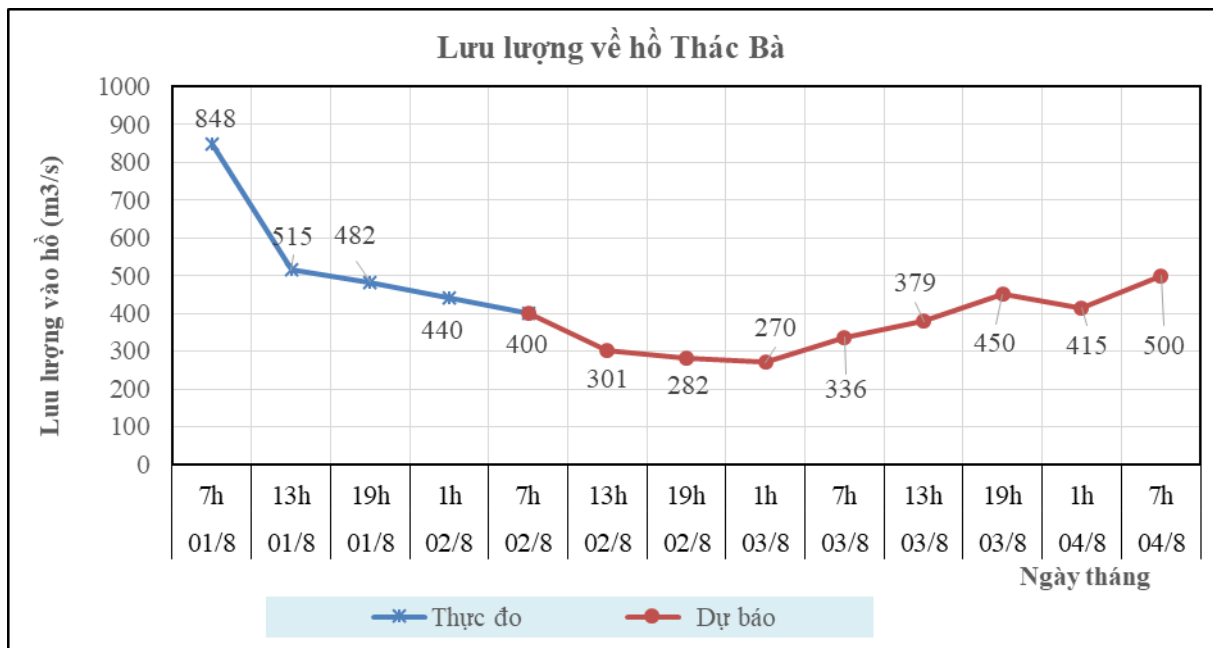
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

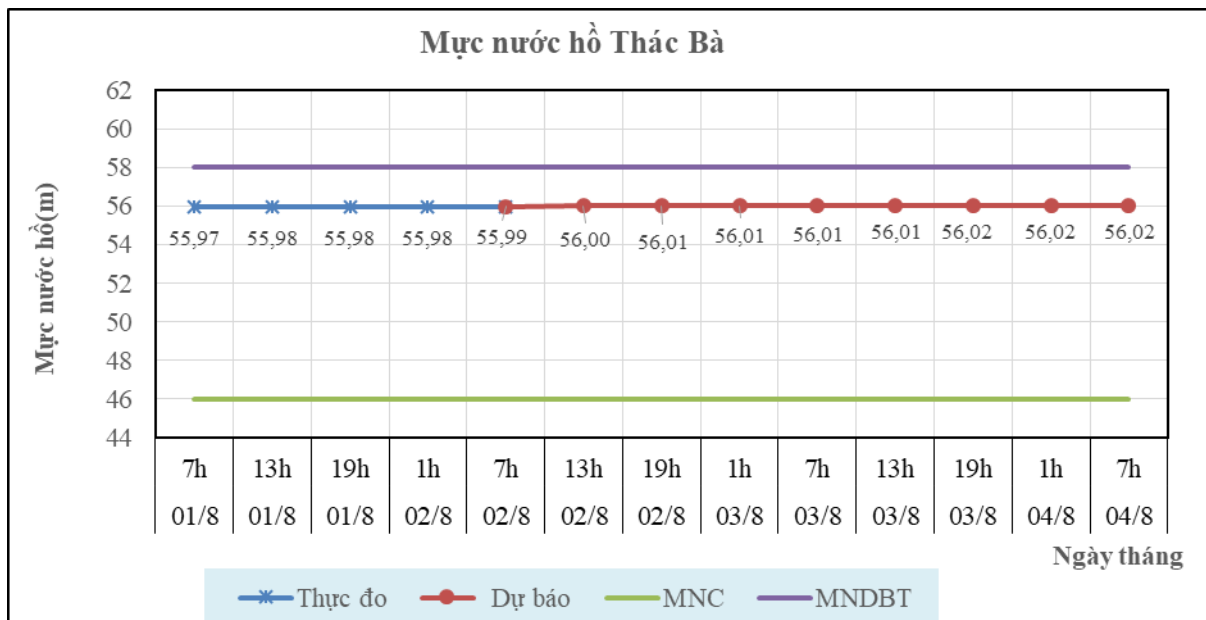
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 02/08/2025 đạt $400\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 55,99m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $336\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 56,01m, 48h tới lưu lượng đạt $500\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 56,02m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mực nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mực nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mực nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mực nước hồ (m)
1	02/08/2025	13h	0	0	3570	1850	198,89	0	0	3550	2400	100,63	0	0	750	429	106,84	0	0	301	155	56,00
2		19h	0	0	3350	3250	198,97	0	0	3490	2300	100,75	0	0	730	428	106,95	0	0	282	150	56,01
3	03/08/2025	1h	0	0	3830	3220	199,01	0	0	3720	2450	100,89	0	0	698	428	107,05	0	0	270	156	56,01
4		7h	0	0	4140	1830	199,14	0	0	3850	2380	101,04	0	0	778	435	107,16	0	0	336	200	56,01
5		13h	0	0	3840	3220	199,28	0	0	3500	2290	101,09	0	0	790	430	107,29	0	0	379	200	56,01
6		19h	0	0	3450	3225	199,32	0	0	3660	2320	101,24	0	0	732	428	107,41	0	0	450	430	56,02
7	04/08/2025	1h	0	0	4230	3225	199,39	0	0	3760	2440	101,39	0	0	686	420	107,51	0	0	415	400	56,02
8		7h	0	0	3770	1880	199,56	0	0	3820	2500	101,54	0	0	766	450	107,62	0	0	500	410	56,02